

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Y  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2018/HNGĐ - ST  
Ngày 27 - 9 - 2018.  
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Quốc Tuấn.
2. Bà Lê Thị Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Kim Hiên – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 327/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1988.

HKTT: Tổ 32, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2018; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội vào ngày 28/12/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm , không thể chung sống cùng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là cháu: Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/10/2013. Hiện nay cháu T đang chung sống cùng chị L. Nếu ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tiến D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và đồng ý ly hôn, nhất trí với nguyện vọng nuôi con của chị L.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: “ Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa chị với anh Nguyễn Tiến D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến D có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2012 tại Ủy ban nhân xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Anh D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/10/2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu T hiện đang chung sống ổn định cùng chị L. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, phải đảm bảo được về quyền lợi mọi mặt của con, mặt khác anh D cũng đồng ý để chị L trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Do vậy, môi trường sống của cháu T không cần thiết phải thay đổi, để cháu T có cuộc sống ổn định và phát triển bình Thường. Cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến D

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/10/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000686 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Chị L đã nộp đủ tiền án phí).

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện M, TP Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Tuyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nguyễn Thị Kim Tuyền*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Tuyền**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Tuyên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND TP
- THADS TP
- Các đương sự.
- UBND phường Yên Ninh, TP Yên Bái.
- Lưu HS, TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Tuyền**